

CÔNG TY CỔ PHẦN HITESOL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HITESOL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HITESOL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HITESOL .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109666567

3. Ngày thành lập: 10/06/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 33, Liên kề 21, Khu đô Thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963928838

Fax:

Email: hitesol2021@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
2.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
3.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
4.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
5.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
6.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
7.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
8.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
9.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
10.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
11.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
12.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
13.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
14.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
15.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
16.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
17.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
18.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396

19.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát); - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim loại, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng... - Sản xuất các nguyên liệu mài và các đồ không lắp khung của các sản phẩm đó với nguyên liệu khoáng hoặc xen lu lô; - Sản xuất vật liệu cách điện khoáng sản như: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng sản tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thẩm âm; - Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện); - Sản xuất các sản phẩm từ asphalt và nguyên liệu tương tự, ví dụ chất dính asphalt, xỉ than; - Sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện).	2399
20.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
21.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
22.	Đúc sắt, thép	2431
23.	Đúc kim loại màu	2432
24.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
25.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
26.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
27.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
28.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
29.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
30.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội	2599
31.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
32.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
33.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
34.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
35.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
36.	Sản xuất đồng hồ	2652
37.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
38.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
39.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
40.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710

41.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
42.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
43.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
44.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
45.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
46.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
47.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
48.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
49.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
50.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
51.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
52.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
53.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
54.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
55.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
56.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
57.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
58.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
59.	Sản xuất máy luyện kim	2823
60.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
61.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
62.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
63.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
64.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
65.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
66.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
67.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
68.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
69.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
70.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
71.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
72.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan Trừ sản xuất vàng miếng	3211
73.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
74.	Sản xuất nhạc cụ	3220

75.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
76.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
77.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
78.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như: + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn), + Sản xuất mặt nạ khí ga. - Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác... - Sản xuất bàn chải giày, quần áo; - Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; - Sản xuất các nút, khóa ấn, khoá móc, khoá trượt;	3290
79.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
80.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
81.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
82.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
83.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
84.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
85.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
86.	Xây dựng nhà để ở	4101
87.	Xây dựng nhà không để ở	4102
88.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
89.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
90.	Xây dựng công trình điện	4221
91.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
92.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
93.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
94.	Xây dựng công trình thủy	4291
95.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292

96.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
97.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
98.	Phá dỡ	4311
99.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
100.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
101.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
102.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
103.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
104.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển	4390
105.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Trừ đấu giá	4511
106.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
107.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
108.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
109.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Trừ đấu giá	4530
110.	Bán mô tô, xe máy Trừ đấu giá	4541
111.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
112.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Trừ đấu giá	4543
113.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
114.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán kinh doanh vật tư, linh kiện và máy móc thiết bị dùng trong công nghiệp và văn phòng.	4659

115.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép. -Bán buôn kim loại	4662
116.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
117.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
118.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)	7020
119.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thi công xây dựng công trình; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; Kiểm định xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình Thiết kế cơ - điện công trình Thiết kế cấp - thoát nước công trình Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ; cầu - hầm; đường sắt; đường thủy nội địa, hàng hải) Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều Giám sát công tác xây dựng công trình Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình Định giá xây dựng Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.	7110
120.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
121.	Cho thuê xe có động cơ	7710
122.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
123.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
124.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
125.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

126.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
127.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ tư vấn về luật bất động sản) Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
128.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt công ty kinh doanh	8299(Chính)

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ NGỌC LÂM	Tổ 2, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	001089010067	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		

2	ĐÀO THỊ LIÊN	Căn hộ CT1A.10.1, chung cư Iris Garden, số 119 đường K2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Tư Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	112188544
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000	
3	LÊ TIẾN HUY	Phòng 508, tòa nhà A1D1, Tổ dân phố số 4, Khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	0400850001 87
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000	
4	PHẠM CÔNG PHONG	Xóm Hoa Lư, Xã Yên Tiến, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	0360650067 09
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ TIẾN HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/12/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040085000187

Ngày cấp: 30/12/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Phòng 508, tòa nhà A1D1, Tổ dân phố số 4, Khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 508, tòa nhà A1D1, Tổ dân phố số 4, Khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội